

Bản án số: 14/2022/HS-PT

Ngày: 25/3/2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Thái Thị Hồng Vân.

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Vũ Tiến và ông Trần Ngọc Tú.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Phương Hồng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:*** Bà Đào Thị Hải Bình, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2022, tại Điểm cầu trung tâm, (Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, số 11 Tôn Đức Thắng, thành phố H) và điểm cầu thành phần (Trại tạm giam Công an tỉnh Thừa Thiên Huế), xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 04/2022/TLPT-HS ngày 19/01/2022 đối với bị cáo Nguyễn Tấn P, do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tấn P đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2022/HS-ST ngày 10/12/2021 của Toà án nhân dân thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế.

***\* Bị cáo có kháng cáo:***

**Nguyễn Tấn P** (Tên gọi khác: L3); sinh ngày 28/8/1999 tại Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: Tổ dân phố L, phường C, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tấn X1 và bà Lê Thị Lệ M1; Vợ, con: chưa có; Tiền án: có 01 tiền án (Ngày 27/11/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án số: 256/2018/HS-ST); tiền sự: có 01 (Ngày 28/11/2020, bị Công an thị xã Hương Tr xử phạt số tiền 2.500.000 đồng do có hành vi xâm hại sức khỏe người khác theo Quyết định số: 4566/QĐ-XPHC).

Bị tạm giam từ ngày 03/3/2021 cho đến nay; có mặt.

***\* Cán bộ, chiến sĩ Trại tạm giam Công an tỉnh Thừa Thiên Huế:***

1. Thiếu tá Lê Đức Thọ - Cán bộ; có mặt.
2. Trung Sĩ Võ Mạnh Cường - Chiến sĩ; có mặt.
3. Hạ Sĩ Huỳnh Công Vũ - Chiến sĩ; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng cuối năm 2020 đến đầu năm 2021, do có mối quan hệ quen biết nên anh Hà Văn H2 có mượn của Lê Văn Đại D1 số tiền 24.000.000 đồng, mượn của Lê Ngọc H số tiền 45.000.000 đồng, mượn của bà Lê Thị Lệ M1, số tiền 30.000.000 đồng, mượn của anh Phan Hồng T1 số tiền 87.000.000 đồng. Sau khi mượn tiền, H1 dùng tiêu xài cá nhân và không có khả năng trả nợ. Lê Văn Đại D1, Lê Ngọc H nhiều lần tìm gặp H2 để đòi nợ nhưng không được.

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 21/02/2021, Lê Ngọc H nhắn tin rủ Lê Văn Đại D1 đi tìm anh Trần Hữu Thành Đ2 là cháu của Trần Hữu Q giúp Q. Do D1 biết anh Đ2 hay bỏ nhà đi chơi cùng với anh Hà Văn H1 nên D1 đồng ý đi cùng H, Q. Sau đó, D1, H, Q đi xe mô tô đến quán bar ASTA, đường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế tìm được anh Đ2. Trên đường chở Đ2 về nhà, Q hỏi anh Đ2 thì biết được anh Hà Văn H2 đang ở phòng 304 nhà nghỉ Phụng Hồng, đường K2, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế nên Q nhắn tin cho H và D1 biết. Nghe vậy, Lê Văn Đại D1 rủ Lê Ngọc H, Trần Hữu Q đi vào nhà nghỉ Phụng Hồng tìm anh H2 để đòi nợ thì H, Q đều đồng ý. Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 21/02/2021, Lê Ngọc H gọi điện thoại rủ Nguyễn Tấn P đi tìm anh H2 để đòi tiền thì P nói bận việc chưa qua được nên H nói: “Có chi xí nữa em gọi”. Sau đó Lê Văn Đại D1 điều khiển xe mô tô BKS: 29F8-5141, Lê Ngọc H điều khiển xe mô tô BKS: 75K1- 442.75 chở Trần Hữu Q chạy vào thành phố H. Trên đường đi, D1 gọi điện thoại nhờ Nguyễn Tấn H1 (tức “Tài”) đi tìm anh Hà Văn H2 thì H1 đồng ý. Lúc này, Nguyễn Tấn H1 đang đi cùng với Nguyễn Văn K nên H2 nói với K: “Cu D1 đang đòi nợ thằng mô bên nhà nghỉ PH, anh em mình qua giúp D1 rồi đi qua quán bar DTV chơi sau”. Nghe vậy, Nguyễn Văn K đồng ý đi cùng H2. Lê Văn Đại D1 hẹn gặp Nguyễn Tấn H1 ở siêu thị Big C Huế. Sau đó, cả bọn chạy xe mô tô đến nhà nghỉ Phụng Hồng để tìm anh H2. Khi đến nhà nghỉ, cả bọn dùng xe đi lên phòng 304 của nhà nghỉ Phụng Hồng tìm thì thấy anh H2 đang ngồi chơi với bạn trong phòng. Thấy nhóm của D1, anh H2 đứng dậy đi ra cửa thì bị D1 dùng tay nắm 1 cái vào mặt và nói: “Tiền của tau mi tính răng?”. Anh H2 nói: “Mấy anh đừng đánh em ở đây mà em ột dột với bạn”. D1 nói H2 đi theo xuống trước nhà nghỉ. Khi xuống trước nhà nghỉ, D1 nói H2 lên xe đi ra chỗ khác nói chuyện. Do sợ bị D1 đánh nên anh H2 leo lên xe mô tô của Nguyễn Tấn H1 điều khiển chở anh H2 ngồi giữa, Nguyễn Văn K ngồi sau. Lê Ngọc H đi xe mô tô chở Trần Hữu Q, còn Lê Văn Đại D1 đi xe 1 mình chạy ra bãi đất trống bên đường H6, phường Xuân P, thành phố H rồi cả nhóm dừng lại.

Tại đây D1, H hỏi số tiền nợ thì anh H2 nói chưa có nên D1, H dùng tay, chân đánh anh H2. Lúc này, Nguyễn Tấn P gọi điện cho H nói: “Đang ở mô?” thì H nói: “Qua bãi đất trống ở đường Tổ H6”, nghe vậy P biết là H rủ qua khu vực bãi đất trống ở đường H6 để giúp H nên P thuê xe taxi qua gặp H. Khi đến, P thấy anh Hà Văn H2 đang đứng với Lê Văn Đại D1 nên P hỏi H: “Bắt được thằng H2 đó rồi à” thì H trả lời “Ừ”. Do anh H2 còn nợ tiền của mẹ P chưa trả nên P đi đến hỏi: “Răng mi nợ tiền gia đình tau mà không thấy trả” rồi dùng tay nắm vào mặt H2. Sau đó, P đứng nói chuyện với H và Q.

Do bị đánh, anh H2 mượn điện thoại của D1 để gọi cho mẹ là bà Trần Thị Cúc nói: “Mẹ giúp con ít tiền trả nợ, chừ họ đánh con” thì bà C2 nói trong nhà chỉ có khoảng 20.000.000 đồng. Nghe vậy H2 nói lại với D1 thì D1 không đồng ý và tiếp tục đánh anh H2. Sau đó, anh H2 tiếp tục mượn điện thoại gọi về cho bà C2 để xin tiền trả nợ thì bà C2 yêu cầu gặp D1 để thỏa thuận việc trả nợ.

Quá trình gọi điện thoại cho bà C2, D1 mở loa ngoài điện thoại nên Lê Ngọc H, Trần Hữu Q, Nguyễn Tấn H1, Nguyễn Văn K, Nguyễn Tấn P đều nghe thấy và chứng kiến toàn bộ sự việc. Lúc này, Trần Hữu Q do có mối quan hệ quen biết với anh Phan Hồng T1 nên Q hỏi H2 vì sao chưa trả số tiền 87.000.000 đồng cho anh T1 thì H2 nói chưa có.

Một lúc sau, bà Trần Thị C2 gọi điện thoại lại nói D1 chở anh H2 ra nhà rồi bà C2 sẽ trả số tiền 40.000.000 đồng. Nghe vậy, D1 đồng ý rồi nói với cả bọn chở H2 ra thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau đó Q điều khiển xe mô tô BKS: 75K1-442.75 chở Nguyễn Tấn P đi lấy xe mô tô cho Trần Hữu Thành Đ2, Nguyễn Tấn H1 chở Nguyễn Văn K qua quán bar DTV chơi còn Lê Ngọc H điều khiển xe mô tô BKS: 29F8-5141 chở anh H2 và D1 chạy ra thị xã Hương Tr. Khi H chạy đến đường tránh H đoạn gần cây xăng Quang S1, thuộc địa phận phường Hương An, thị xã Hương Tr, tỉnh Thừa Thiên Huế thì Q cũng vừa chạy đến gặp D1, H. Lúc này, Q nói: “Giữ thằng H2 lại đã, khi nào mẹ hắn trả tiền thì cho hắn về” thì D1, H đồng ý. Sau đó D1, H, Q tiếp tục chở anh H2 ra quán cà phê Sury ở số 103 đường C4, phường C, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế do Lê Minh H3 (anh trai của Lê Ngọc H làm chủ) giữ anh H2 lại đợi người nhà anh H2 trả nợ. Khoảng 30 phút sau, bà Trần Thị C2 gọi điện thoại nói Lê Văn Đại D1 đến nhà lấy tiền thì D1 nói Trần Hữu Q đi xe mô tô đến nhà bà C2 để lấy tiền. Đồng thời D1, H điều khiển xe mô tô chở anh H2 chạy theo phía sau. Khi Trần Hữu Q ra gặp bà Trần Thị C2 để lấy tiền thì bà C2 yêu cầu Q viết giấy nhận tiền nhưng Q không đồng ý. Thấy Q đi lâu nên D1 gọi điện thoại cho Q nhưng không được nên D1 nghi ngờ người nhà anh H2 đã báo công an, nên khi chạy xe đến gần nhà của H2, D1 để anh H2 xuống đi bộ vào nhà còn D1, H chạy xe về. Sau khi nhận được đơn trình báo của gia đình anh Hà Văn H2, Cơ quan công an tiến hành xác minh, đưa Lê Văn Đại D1, Lê Ngọc H, Trần Hữu Q về trụ sở làm việc thì D1, H, Q đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Đến ngày 22/02/2021, 24/02/2021 và ngày 25/02/2021, Nguyễn Tấn H1, Nguyễn Tấn P, Nguyễn Văn K lần lượt đến đầu thú tại Cơ quan công an và khai nhận hành vi của mình như đã nêu trên.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 77/2001/TgT ngày 08/3/2021, Trung tâm pháp y tỉnh Thừa Thiên Huế xác định: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Hà Văn H2 là 01 % (một phần trăm).

Về vật chứng hiện còn thu giữ gồm:

\* Thu của Nguyễn Tấn H1: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu đỏ, BKS: 75C1-256.50; 01 Iphone 6 plus màu xám.

\* Thu của Lê Văn Đại D1: 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Satria màu đen, BKS: 29F8-5141; 01 điện thoại di động Iphone màu xanh;

\* Thu của Lê Ngọc H: Tiền Việt Nam đồng: 8.743.000 đồng (Tám triệu bảy trăm bốn mươi ba ngàn đồng); 01 điện thoại Nokia màu xanh; 01 xe mô tô nhãn hiệu Exciter màu xám, BKS: 75K1-442.75;

\* Thu của Trần Hữu Q: Tiền Việt Nam đồng: 1.660.000 đồng (Một triệu sáu trăm sáu mươi ngàn đồng); 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2022/HS-ST ngày 10/12/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Hương Tr, tỉnh Thừa Thiên Huế, quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 169; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Tấn P phạm tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tấn P 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam (03/3/2021).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên hình phạt đối với các bị cáo Lê Văn Đại D1, Lê Ngọc H, Trần Hữu Q, Nguyễn Tấn H1, Nguyễn Văn K, tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 30/12/2021, bị cáo Nguyễn Tấn P có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Tấn P nhận tội và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của bị cáo là trong hạn luật định và hợp pháp; Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn Phương 01 năm 04 tháng tù là phù hợp với quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tấn P và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đã có cơ sở để kết luận: Ngày 21/02/2021, do anh Hà Văn H2 nợ tiền nhưng không trả nên Lê Văn Đại D1, Lê Ngọc H, Trần Hữu Q cùng nhau đi tìm anh H2 để đòi nợ. Khi biết anh H2 đang ở nhà nghỉ PH, đường K2, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế thì D1 rủ thêm Nguyễn Tấn H1, Nguyễn Văn Khá còn H rủ Nguyễn Tấn P cùng đi. Khi D1, H, Q, Tấn H1, K đến nhà nghỉ PH tìm gặp anh H2 rồi khống chế anh H2 đưa ra bãi đất trống ở đường H6, phường P, thành phố H để hỏi H2 việc vì sao không trả nợ đồng thời đánh đập H2. Do bị

đánh, anh H2 gọi điện thoại về nhà cho bà Trần Thị C2 (mẹ anh H2). Lê Văn Đại D1 trực tiếp thỏa thuận yêu cầu bà Trần Thị C2 (mẹ anh H2) trả tiền thay cho Hùng. Sau đó H, D1, Q tiếp tục đưa anh H2 ra quán cà phê Sury ở 103 Hà C4, phường C, thị xã T giữ anh H2 lại làm con tin. Đến sáng ngày 22/02/2021, bà Trần Thị C2 gọi cho D1 hẹn giao tiền nên D1 nói Trần Hữu Q đi đến nhà anh H2 lấy tiền thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã T bắt giữ.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Tấn P về tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 169 của Bộ luật Hình sự có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Tấn P, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, đe dọa tính mạng, sức khỏe của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội nên cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe trong phòng chống tội phạm. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đã xem xét áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để xử phạt bị cáo 01 năm 04 tháng tù là đúng mức.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới làm căn cứ cho việc bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo và cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm như ý kiến đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Tấn P phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tấn P; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2021/HS-ST ngày 10/12/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Hương Tr, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 169; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tấn P (tên gọi khác: L3) 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù về tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam là ngày 03/3/2021.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc bị cáo Nguyễn Tấn P phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Vụ GDKT I TANDTC;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Phòng PV06 CA tỉnh TT Huế;
- Trại tạm giam CA tỉnh TT Huế;
- TAND thị xã T;
- VKSND thị xã T;
- CA thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thái Thị Hồng Vân**